

Số: **1309** /QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày **31** tháng **7** năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành;
được sửa đổi, bổ sung, thay thế thuộc phạm vi quản lý
và giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung, thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi quản lý và giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

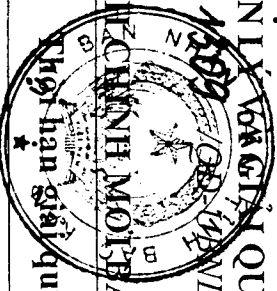
Nơi nhận:

- Như Điều 3 (T/h);
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ (B/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo – Tin học (dăng tải);
- Lưu: VT, NCKSTT(Vấn).



Ly Thái Hải

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC KẠN**
(Ban hành kèm theo Quyết định số **3032**/QĐ-UBND ngày **31** tháng **7** năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)



A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	
I. LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN					
1	<p>Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư công trình</p>	<p>- Kiểm tra hồ sơ: Không quá 5 ngày - Thẩm định hồ sơ: + Đối với hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản: * Trong thời gian không quá 25 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa; * Trong thời gian không quá 06 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa, người khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa, diện tích khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa, diện tích khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa; * Trong thời gian không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan. Sau thời hạn nêu trên mà không có văn bản trả lời thì được coi như cơ quan được lấy ý kiến đã đồng ý. Thời gian lấy ý kiến đến các cơ quan có liên quan không tính vào thời gian thẩm định; * Trong thời gian không quá 40 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định</p>	<p>Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường công trực tuyến. + Trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường.</p>	<p>* Trường hợp cấp mới: Mức thu lệ phí theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. * Trường hợp điều chỉnh: Không mất lệ phí.</p>	<p>(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010. (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016; (4) Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016; (5) Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015; (6) Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý
		<p>các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.</p> <p>+ Đối với hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: Trong thời hạn không quá 20 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản.</p> <p>+ Đối với hồ sơ khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: Không quá 45 ngày</p> <p>* Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ; cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa;</p> <p>* Trong thời gian không quá 35 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.</p> <p>- Thời hạn cấp giấy phép:</p> <p>+ Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản: Không quá 12 ngày.</p> <p>* Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày hoàn thành công việc thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép cho Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>* Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp hoặc không</p>			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>Giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>+ Đối với Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản: Không quá 12 ngày</p> <p>* Trong thời gian không quá 05 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>* Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</p> <p>+ Đối với giấy phép khai thác khoáng sản:</p> <p>Trong thời gian không quá 07 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ từ cơ quan có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận</p>			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>kết quả. Thời gian nêu trên không kể thời gian tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm thủ tục nộp tiền cấp quyền khai thác lần đầu.</p> <p>+ Đổi với Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản: Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ từ cơ quan có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả.</p> <p>+ Đổi với giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ từ cơ quan có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả.</p>			
2	<p>Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đổ) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch</p>	<p>- Kiểm tra hồ sơ: Không quá 5 ngày.</p> <p>- Thẩm định hồ sơ: Không quá 35 ngày.</p> <p>+ Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra tại thực địa.</p> <p>+ Trong thời gian không quá 25 ngày, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.</p> <p>- Thời hạn cấp Giấy phép khai thác khoáng sản: Không quá 12 ngày.</p> <p>+ Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày hoàn thành công việc thẩm định hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ đăng ký cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố</p>	<p>+ Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện cho Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Hệ thống dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>+ Tra kết quả trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường</p>	<p>Không quy định</p>	<p>(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010.</p> <p>(2) Nghị định số 158/2016/ND-CP ngày 29/11/2016;</p> <p>(3) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016;</p> <p>(4) Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p><i>nơi có dự án xây dựng công trình/ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch:</i></p> <p>+ Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố hoàn thành việc đăng ký. Trong trường hợp không đăng ký thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</p> <p>Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ từ cơ quan có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đăng ký khối lượng khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định. Thời gian nêu trên không kể thời gian tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm thủ tục nộp tiền cấp quyền khai thác.</p>			
3	<p>Chấp thuận tiến hành khảo sát tại thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản</p>	<p>Không quá 10 ngày</p>	<p>+ Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện cho Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>+ Trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường</p>	<p>Không quy định</p>	<p>(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010. (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016.</p>

II. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC

1	Điều chỉnh tiên cấp quyền khai thác tài nguyên nước	Không quá 20 ngày	<p>+ Tổ chức, cá nhân gửi văn bản đề nghị điều chỉnh kèm theo các tài liệu để chứng minh đến Sở Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>+ Trả kết quả: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi thông báo kèm theo quyết định điều chỉnh tiên cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho chủ giấy phép và Cục thuế địa phương nơi có công trình khai thác tài nguyên nước.</p>	Không quy định	(1) Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012. (2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013. (3) Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017.
2	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép trước ngày Nghị định số 82/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ kèm theo văn bản giải thích rõ lý do;</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ và phê duyệt tiên cấp quyền: Không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tiên cấp quyền khai thác tài nguyên nước;</p> <p>- Thời hạn gửi thông báo: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt tiên cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi thông báo cho chủ giấy phép và Cục thuế địa phương nơi có công trình khai thác tài nguyên nước.</p>	<p>+ Chủ giấy phép nộp 02 bộ hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường qua đường bưu điện, nộp trực tuyến hoặc nộp trực tiếp</p> <p>+ Trả kết quả: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi thông báo cho chủ giấy phép và Cục thuế địa phương nơi có công trình khai thác tài nguyên nước.</p>	Không quy định	(1) Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012. (2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013. (3) Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017.

	phép và Cục thuế địa phương nơi có công trình kèmgnguyên nước. theo quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tại nguyên nước.		
--	--	--	--

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
-----	------------------	------------------------	--

I. LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN

1	T-BKA- 280092-TT	Dầu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	(1) Nghị định số 158/2016/NĐ ngày 29/11/2016.
2	T-BKA- 280093-TT	Dầu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	(1) Nghị định số 158/2016/NĐ ngày 29/11/2016. (2) Nghị định số 60/2016/ND-CP ngày 01/7/2016; (3) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (4) Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016.
3	T-BKA- 280095-TT	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	(2) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (3) Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016.
4	T-BKA- 280096-TT	Già hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	(1) Nghị định số 158/2016/ND-CP ngày 29/11/2016; (2) Nghị định số 60/2016/ND-CP ngày 01/7/2016; (3) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (4) Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016..
5	T-BKA- 280097-TT	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	

6	T-BKA-280098-TT	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	(1) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (2) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016.
7	T-BKA-280101-TT	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	(1) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (2) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (3) Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016.
8	T-BKA-280102-TT	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.	(1) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (2) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (3) Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016.
9	T-BKA-280103-TT	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.	(1) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (2) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016.
10	T-BKA-280099-TT	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	(1) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (2) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (3) Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016.
11	T-BKA-280107-TT	Đóng cửa mỏ khoáng sản	(1) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (2) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016.
12	T-BKA-280104-TT	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	(1) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (2) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (3) Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày

			08/11/2016.
13	T-BKA- 280105-TT	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	(1) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (2) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (3) Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016.
14	T-BKA- 280106-TT	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	(1) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (2) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016.
15	T-BKA- 280094-TT	Tình tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đổi với trường hợp Giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp trước ngày Nghị định 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực)	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010. (2) Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013.

II. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC

1	T-BKA- 280113-TT	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	(1) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; (2) Thông tư số 94/2016/TT-BTC ngày 27/6/2016.
2	T-BKA- 280114-TT	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	(1) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; (2) Thông tư số 94/2016/TT-BTC ngày 27/6/2016.
3	T-BKA- 280115-TT	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	(1) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; (2) Thông tư số 94/2016/TT-BTC ngày 27/6/2016.
4	T-BKA- 280116-TT	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	(1) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; (2) Thông tư số 94/2016/TT-BTC ngày 27/6/2016.

5	T-BKA-280117-TT	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm	(1) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; (2) Thông tư số 94/2016/TT-BTC ngày 27/6/2016.
6	T-BKA-280118-TT	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm	(1) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; (2) Thông tư số 94/2016/TT-BTC ngày 27/6/2016.
7	T-BKA-280119-TT	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác	(1) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; (2) Thông tư số 94/2016/TT-BTC ngày 27/6/2016.
8	T-BKA-280120-TT	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác	(1) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; (2) Thông tư số 94/2016/TT-BTC ngày 27/6/2016.
9	T-BKA-280122-TT	Cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	(1) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016.
10	T-BKA-280123-TT	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	(2) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016.